

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN IA H'DRAI

Số: /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ia H'Drai, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố các Quy trình áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001: 2015 vào hoạt động hành chính của Văn phòng Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN IA H'DRAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 4109/QĐ-BKHCN ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia; Quyết định số 101/QĐ-BKHCN ngày 21 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Mô hình khung HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cho các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tại địa phương;

Căn cứ Quyết định số 474/QĐ-UBND ngày 10 tháng 07 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch “Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính Nhà nước tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021 - 2030”; Công văn số 91/SKHCN-TCDLCL ngày 16/01/2024 của Sở Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 205a/QĐ-UBND ngày 30/5/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai về việc ban hành áp dụng hệ thống tài liệu nội bộ trong hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động hành chính của Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai;

Căn cứ Quyết định số 185/QĐ(UB)-UBND ngày 12/10/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai về việc kiện toàn Ban chỉ đạo áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động hành chính của Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai;

Xét đề nghị của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tại Tờ trình số 35/TTr-VP ngày 12 tháng 11 năm 2024 và Thư ký Ban chỉ đạo ISO huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Quy trình áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001: 2015 thủ tục hành chính của Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai.

Có Phụ lục danh mục, hồ sơ quy trình ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 205a/QĐ-UBND ngày 30/5/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai;

Giao Ban chỉ đạo áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động hành chính của Văn phòng Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai chịu trách nhiệm tổ chức triển khai áp dụng và theo dõi, giám sát, kiểm tra để đảm bảo thực hiện đúng quy định.

Điều 3. Các thành viên Ban Chỉ đạo ISO, Chánh Văn phòng HĐND - UBND huyện và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, Ban ISO.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tiến Dũng

**DANH MỤC TÀI LIỆU CỦA HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
THEO TIÊU CHUẨN TCVN ISO 9001: 2015 ÁP DỤNG VÀO HOẠT ĐỘNG
HÀNH CHÍNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN IA H'DRAI**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND, ngày tháng năm 2024
của Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai)

STT	QUY TRÌNH	Mã hiệu
1. Quy trình chung hệ thống và Văn phòng HĐND-UBND		
1	Mô hình hệ thống quản lý chất lượng	MHHT
2	Chính sách chất lượng	CSCL
3	Mục tiêu chất lượng	MTCL
4	Quy trình kiểm soát thông tin dạng văn bản	QT CHT-01
5	Quy trình đánh giá chất lượng nội bộ	QT CHT-02
6	Quy trình họp xem xét của lãnh đạo	QT CHT-03
7	Quy trình kiểm soát sự không phù hợp và hành động khắc phục	QT CHT-04
8	Quy trình kiểm soát rủi ro	QT CHT-05
9	Quy trình kiểm soát văn bản đi và đến	QT VP-01
10	Quy trình giao dịch theo cơ chế “một cửa”	QT VP-02
11	Tiếp công dân	QT VP-03
2. Phòng nội vụ		
I	Lĩnh vực Tổ chức - Biên chế và Tổ chức Phi chính phủ	
1	Thẩm định và phê duyệt giải thể đơn vị sự nghiệp công lập	QT TCBC-01
2	Thẩm định và phê duyệt tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập	QT TCBC-02
3	Thẩm định và phê duyệt thành lập đơn vị sự nghiệp công lập	QT TCBC-03
4	Quỹ tự giải thể	QT TCBC-04
5	Đổi tên quỹ	QT TCBC-05
6	Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ	QT TCBC-06
7	Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động	QT TCBC-07
8	Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	QT TCBC-08
9	Thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ	QT TCBC-09
10	Công nhận thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng	QT TCBC-10

	quản lý quỹ	
11	Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ	QT TCBC-11
12	Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	QT TCBC-12
13	Báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường	QT TCBC-13
14	Hội tự giải thể	QT TCBC-14
15	Đổi tên hội	QT TCBC-15
16	Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội	QT TCBC-16
17	Phê duyệt điều lệ hội	QT TCBC-17
18	Thành lập hội	QT TCBC-18
19	Công nhận ban vận động thành lập hội	QT TCBC-19
20	Thẩm định thành lập tổ chức hành chính	QT TCBC-20
21	Thẩm định tổ chức lại tổ chức hành chính	QT TCBC-21
22	Thẩm định giải thể tổ chức hành chính	QT TCBC-22
II	Lĩnh vực Công chức, viên chức	
1	Bổ nhiệm trưởng, phó phòng và tương đương thuộc UBND cấp huyện, thành phố	QT CCVC-01
2	Bổ nhiệm lại đối với chức danh trưởng phòng, phó trưởng phòng cơ quan chuyên môn cấp huyện	QT CCVC-02
3	Nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn với Cán bộ, CCVC loại A1 trở xuống	QT CCVC-03
4	Hưởng và nâng phụ cấp thâm niên vượt khung cho cán bộ, CCVC loại A1 trở xuống (thuộc quyền quản lý)	QT CCVC-04
III	Lĩnh vực Tôn giáo	
1	Thông báo mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo	QT TG-01
2	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện	QT TG-02
3	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện	QT TG-03
4	Thông báo tổ chức Hội nghị thường niên	QT TG-04
5	Đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một huyện	QT TG-05
6	Đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	QT TG-06
7	Đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	QT TG-07
8	Thông báo tổ chức quyên góp ngoài địa bàn một xã nhưng trong địa bàn một huyện	QT TG-08

IV	Lĩnh vực Thi đua – Khen thưởng	
1	Tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị	QT TĐKT-01
2	Tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề	QT TĐKT-02
3	Tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích đợt xuất	QT TĐKT-03
4	Tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	QT TĐKT-04
5	Tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở	QT TĐKT-05
6	Tặng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến	QT TĐKT-06
7	Tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện cho gia đình gương mẫu	QT TĐKT-07
3. Phòng Tư pháp		
I	Lĩnh vực Hộ tịch	
1	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT HT-01
2	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT HT-02
3	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	QT HT-03
4	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QT HT-04
5	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QT HT-05
6	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT HT-06
7	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT HT-07
8	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	QT HT-08
9	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT HT-09
10	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT HT-10
11	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	QT HT-11
12	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT HT-12
13	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	QT HT-13
14	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT HT-14
15	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	QT HT-15
16	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch	QT HT-16

17	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	QT HT-17
II	Lĩnh vực Chứng thực	
1	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	QT CT-01
2	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	QT CT-02
3	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	QT CT-03
4	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	QT CT-04
5	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật	QT CT-05
6	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	QT CT-06
7	Cấp bản sao từ sổ gốc	QT CT-07
8	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản	QT CT-08
9	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản	QT CT-09
10	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản	QT CT-10
11	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	QT CT-11
12	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch.	QT CT-12
III	Lĩnh vực: Hòa giải cơ sở	
1	Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải.	QT HGCS-01
IV	Lĩnh vực: Bồi thường Nhà nước	
1	Giải quyết yêu cầu bồi thường nhà nước tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	QT BTNN-01
2	Phục hồi danh dự	QT BTNN-02
V	Lĩnh vực: Nuôi con nuôi	
1	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của	QT NCN-01

	nước ngoài	
4. Thanh tra huyện		
1	Xử lý đơn	QT KNTC-02
2	Giải quyết khiếu nại lần đầu	QT KNTC-03
3	Giải quyết khiếu nại lần hai	QT KNTC-04
4	Giải quyết tố cáo	QT KNTC-05
5. Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội		
I	Lĩnh vực: người có công	
1	Thăm viếng mộ liệt sĩ	QT NCC-01
II	Lĩnh vực: Bảo vệ chăm sóc trẻ em	
1	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	QT BVCSTE-01
2	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	QT BVCSTE-02
III	Lĩnh vực: Bảo trợ xã hội	
1	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	QT BTXH-01
2	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	QT BTXH-02
3	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	QT BTXH-03
4	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp	QT BTXH-04
5	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	QT BTXH-05
6	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	QT BTXH-06
7	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	QT BTXH-07
8	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	QT BTXH-08
9	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí điều trị người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có	QT BTXH-09

	người thân thích chăm sóc	
10	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	QT BTXH-10
11	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	QT BTXH-11
13	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng	QT BTXH-12
IV	Lĩnh vực: Phòng chống tệ nạn xã hội	
1	Thủ tục hỗ trợ học văn hóa, học nghề trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	QT PCTNXH-01
2	Công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	QT PCTNXH-02
3	Công bố lại tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	QT PCTNXH-03
4	Công bố cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cai nghiện ma túy công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.	QT PCTNXH-04
V	Lĩnh vực: Lao động, Tiền lương và Bảo hiểm xã hội	
1	Giải quyết tranh chấp lao động tập thể về quyền	QT LDTLBHXXH-01
VI	Lĩnh vực: Giáo dục nghề nghiệp	
1	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	QT GDNN-01
6. Phòng Tài nguyên và Môi trường		
I	Lĩnh vực đất đai	
1	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, hộ gia đình đang sử dụng đất	QT ĐĐ-01.1
2	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện	QT ĐĐ-02.1
3	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là cá nhân	QT ĐĐ-03.1
4	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu	QT ĐĐ-03.2

	giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là cá nhân	
5	Giao đất, cho thuê đất từ quỹ đất do tổ chức, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sử dụng đất quy định tại Điều 180 Luật Đất đai, do công ty nông, lâm trường quản lý, sử dụng quy định tại Điều 181 Luật Đất đai mà người xin giao đất, cho thuê đất là cá nhân	QT ĐĐ-03.3
6	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân	QT ĐĐ-03.4
7	Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin chuyển mục đích sử dụng đất là cá nhân	QT ĐĐ-04.1
8	Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đất đai mà người xin chuyển mục đích sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân	QT ĐĐ-04.2
9	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân	QT ĐĐ-10
10	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân	QT ĐĐ-11
11	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân	QT ĐĐ-12
12	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót	QT ĐĐ-13
13	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp	QT ĐĐ-14

	lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	
14	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông	QT ĐĐ-15
15	Gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất mà người xin gia hạn sử dụng đất là cá nhân, cộng đồng dân cư	QT ĐĐ-16
16	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân khi hết hạn sử dụng đất	QT ĐĐ-17
17	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích mà người sử dụng là cá nhân	QT ĐĐ-18
18	Điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư mà người sử dụng đất là cá nhân, cộng đồng dân cư	QT ĐĐ-19
II	Lĩnh vực môi trường	
1	Cấp đổi giấy phép môi trường cho Dự án đầu tư, cơ sở	QT MT-03
2	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường cho Dự án đầu tư, cơ sở	QT MT-04
3	Cấp lại giấy phép môi trường cho các trường hợp 01	QT MT-05
4	Cấp lại giấy phép môi trường cho các trường hợp 02	QT MT-06
5	Cấp lại giấy phép môi trường cho các trường hợp 03	QT MT-07
6	Cấp giấy phép môi trường cho Dự án đầu tư, cơ sở thuộc trường hợp 01	QT MT-08
7	Cấp giấy phép môi trường cho Dự án đầu tư, cơ sở thuộc trường hợp 02	QT MT-09
III	Lĩnh vực tài nguyên nước	
1	Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất	QT TNN-01
2	Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là Ủy ban nhân dân cấp huyện)	QT TNN-02
7. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		
I	Lĩnh vực Phát triển nông thôn	
1	Hỗ trợ dự án liên kết	QT PTNN-07
2	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	QT PTNN-08
II	Lĩnh vực Kiểm lâm	
1	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân.	QT KL-01
2	Quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng	QT KL-02
III	Lĩnh vực Lâm nghiệp	

1	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái.	QT LN-06
2	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	QT LN-07
3	Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện	QT LN-08
IV	Lĩnh vực Thủy lợi	
1	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND huyện	QT TL-01
2	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND huyện	QT TL-02
3	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên)	QT TL-03
V	Lĩnh vực Thủy sản	
1	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	QT TS-01
2	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	QT TS-02
8. Phòng Giáo dục và Đào tạo		
I	Lĩnh vực: Thông tin và Truyền thông	
1	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động trò chơi điện tử công cộng	QT TTTT-01
2	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động trò chơi điện tử công cộng	QT TTTT-02
3	Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động trò chơi điện tử công cộng	QT TTTT-03
4	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động trò chơi điện tử công cộng	QT TTTT-04
II	Lĩnh vực: Xuất bản	
1	Khai báo hoạt động cơ sở photocopy	QT XB-01

2	Thay đổi thông tin khai báo hoạt động cơ sở photocopy	QT XB-01
III	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo	
1	Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	QT GDĐT-01
2	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	QT GDĐT-02
3	Sáp nhập, chia, tách nhà trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	QT GDĐT-03
4	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	QT GDĐT-04
5	Thành lập trường tiểu học công lập, cho phép thành lập trường tiểu học tư thục	QT GDĐT-05
6	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	QT GDĐT-06
7	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	QT GDĐT-07
8	Giải thể trường tiểu học	QT GDĐT-08
9	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học	QT GDĐT-09
10	Công nhận trường tiểu học đạt chất lượng mức 1	QT GDĐT-10
11	Thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc tư thục	QT GDĐT-11
12	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục	QT GDĐT-12
13	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở	QT GDĐT-13
14	Giải thể trường trung học cơ sở	QT GDĐT-14
15	Chuyển trường đối với học sinh THCS	QT GDĐT-15
16	Cấp bằng tốt nghiệp trung học cơ sở	QT GDĐT-16
17	Tiếp nhận học sinh trung học phổ thông người nước ngoài	QT GDĐT-17
18	Tiếp nhận đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	QT GDĐT-18
19	Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	T GDĐT-19
20	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mầm non tư thục sang nhà trẻ, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	QT GDĐT-20
21	Cho phép thành lập nhà trường, nhà trẻ dân lập	QT GDĐT-21
22	Cho phép nhà trường, nhà trẻ dân lập hoạt động giáo dục	QT GDĐT-22
23	Sáp nhập, chia tách nhà trường, nhà trẻ dân lập	QT GDĐT-23
24	Giải thể nhà trường, nhà trẻ dân lập	QT GDĐT-24
25	Đình chỉ hoạt động giáo dục nhà trường, nhà trẻ dân lập	QT GDĐT-25
26	Công nhận phổ cập mầm non	QT GDĐT-26
27	Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	QT GDĐT-27
28	Thành lập trung tâm học tập cộng đồng	QT GDĐT-28
29	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng	QT GDĐT-29
30	Đánh giá, xếp loại “cộng đồng học tập” cấp xã	QT GDĐT-30
31	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo học sinh tiểu học,	QT GDĐT-31

	trung học cơ sở	
32	Cấp giấy phép, gia hạn giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm đối với cấp trung học cơ sở	QT GDĐT-32
33	đề nghị phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài tại các trường tiểu học và THCS	QT GDĐT-33
34	Tiếp nhận học sinh trung học phổ thông Việt Nam về nước	QT GDĐT-34
35	Tuyển dụng viên chức ngạch giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở	QT GDĐT-31